

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHƯA HỢP NHẤT****Quý 4 năm 2015****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1,471,522,676,055	1,956,997,380,886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	371,497,514,248	568,365,071,697
1. Tiền		111		54,997,514,248	234,495,071,697
2. Các khoản tương đương tiền		112		316,500,000,000	333,870,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		61,741,580,440	120,545,853,600
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	141,722,199,042	144,874,562,680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(79,980,618,602)	(85,353,029,080)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	-	61,024,320,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,010,075,816,617	1,237,879,458,618
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	301,725,402,215	312,375,504,590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	101,306,030,629	69,967,162,297
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5a	43,076,000,000	195,478,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6a	570,505,233,749	677,892,197,042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(6,536,849,976)	(17,833,405,311)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		18,307,657,122	23,904,542,399
1. Hàng tồn kho		141	V.8	18,307,657,122	23,904,542,399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		9,900,107,628	6,302,454,572
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	1,940,905,831	2,085,309,238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.17a	7,959,201,797	4,217,145,334
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,752,772,160,936	4,196,691,552,977
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89,275,632,500	143,099,132,500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	56,033,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	89,275,632,500	87,066,132,500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		396,186,009,940	351,146,822,176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	366,129,645,961	332,299,069,202
- Nguyên giá	222		1,008,099,199,784	936,303,887,583
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(641,969,553,823)	(604,004,818,381)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	26,769,570,614	14,392,730,508
- Nguyên giá	225		31,400,607,484	14,592,547,596
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4,631,036,870)	(199,817,088)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3,286,793,365	4,455,022,466
- Nguyên giá	228		11,458,486,153	11,458,486,153
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,171,692,788)	(7,003,463,687)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41,269,071,840	59,128,096,918
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	41,269,071,840	59,128,096,918
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4,188,262,745,821	3,622,253,264,867
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	2,859,625,249,428	2,310,538,249,428
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1,240,183,755,376	1,209,475,791,280
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	326,872,332,000	326,872,332,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(238,418,590,983)	(224,633,107,841)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37,778,700,835	21,064,236,516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	22,466,328,696	4,994,473,164
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	15,312,372,139	16,069,763,352
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,224,294,836,991	6,153,688,933,863

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,665,658,664,815	1,533,456,870,586
I. Nợ ngắn hạn	310		680,113,680,024	617,166,271,514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	82,994,879,623	69,295,869,307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	10,150,010,165	6,509,573,223
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a,b	688,320,553	22,587,302,977
4. Phải trả người lao động	314	V.18	19,125,674,880	14,055,370,460
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	169,646,238,593	96,894,361,572
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	50,748,202,537	65,432,864,774
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	274,847,757,727	277,688,542,614
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	59,544,927,528	56,982,318,300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	12,367,668,418	7,720,068,287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		985,544,984,791	916,290,599,072
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	1,076,736,383	857,354,183
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	973,747,950,784	903,181,681,890
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	10,720,297,624	12,251,562,999
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4,558,636,172,176	4,620,232,063,277
I. Vốn chủ sở hữu	410		4,558,636,172,176	4,620,232,063,277
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	1,196,219,940,000	1,161,379,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,196,219,940,000	1,161,379,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69,388,382,902	69,388,382,902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(411,073,375)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	52,564,113,317	44,814,492,012
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	49,450,048,410	41,700,427,105
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	719,950,286,522	831,474,346,858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		564,331,722,160	831,474,346,858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		155,618,564,362	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,224,294,836,991	6,153,688,933,863

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016


Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT**
Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	254,961,539,126	265,522,507,779	936,774,866,451	992,032,804,896
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	254,961,539,126	265,522,507,779	936,774,866,451	992,032,804,896
4	Giá vốn hàng bán	198,676,926,812	258,641,658,115	829,740,671,480	971,864,359,145
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56,284,612,314	6,880,849,664	107,034,194,971	20,168,445,751
6	Doanh thu hoạt động tài chính	53,192,457,321	202,503,551,478	320,296,104,648	457,897,582,432
7	Chi phí tài chính	33,138,255,241	73,171,586,577	180,568,950,823	169,291,178,758
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	17,643,963,399	14,913,661,661	71,263,340,085	65,678,078,091
8	Chi phí bán hàng	1,152,296,897	870,078,990	4,055,906,512	3,980,648,406
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39,286,163,396	43,479,111,695	96,769,020,367	111,594,155,590
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35,900,354,101	91,863,623,880	145,936,421,917	193,200,045,429
11	Thu nhập khác	11,291,219,817	67,650	13,794,936,833	8,175,091,548
12	Chi phí khác	10,370,442	52,496,773,696	309,137,934	57,492,513,649
13	Lợi nhuận khác	11,280,849,375	(52,496,706,046)	13,485,798,899	(49,317,422,101)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47,181,203,476	39,366,917,834	159,422,220,816	143,882,623,328
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,021,450,597	15,248,725,615	4,585,236,487	80,437,354,128
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(765,722,687)	(4,563,590,710)	(773,874,162)	(91,547,156,890)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46,925,475,566	28,681,782,929	155,610,858,491	154,992,426,090

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	159,422,220,816	143,882,623,328
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	68,824,622,578	64,773,479,543
- Các khoản dự phòng	03	(2,883,482,671)	57,747,019,616
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	90,389,897,650	17,128,973,263
- các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05	(313,263,743,470)	(437,435,401,775)
- Chi phí lãi vay	06	71,263,340,085	65,678,078,091
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73,752,854,987	(88,225,227,934)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	115,916,149,384	247,598,878,979
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5,596,885,277	3,295,605,676
- Tăng, giảm các khoản phải trả không kể lãi vay phải trả, t	11	(19,174,076,518)	(23,365,610,921)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(17,327,452,125)	9,261,402,790
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	3,152,363,638	304,650
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,771,814,294)	(21,454,030,909)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22,412,546,286)	(99,373,822,278)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	66,302,694,448	13,369,231,243
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(69,887,170,401)	(27,950,187,448)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	133,147,888,110	13,156,543,848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(113,874,251,534)	(37,728,499,882)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	30,545,300,876	11,966,636,363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(143,600,000,000)	(1,847,766,850,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	368,226,320,000	1,758,716,336,203

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

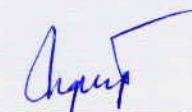
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(579,794,964,097)	(451,585,373,500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	885,079,063,017
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	326,887,857,082	146,401,095,016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(111,609,737,672)	465,082,407,217
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	34,840,000,000	17,163,250,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	138,643,234,891	721,629,125,935
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(147,893,969,377)	(705,891,328,201)
5. Tiền chi trả nợ và gốc thuê tài chính	35	(5,037,254,763)	(431,318,480)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(239,246,781,000)	(149,209,150,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(218,694,770,249)	(116,739,421,146)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(197,156,619,811)	361,499,529,919
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	568,365,071,697	207,150,265,471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	289,062,362	(284,723,693)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	371,497,514,248	568,365,071,697

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.

- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.

- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.161.379.940.000 VND lên 1.196.219.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 092/GMD-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 109/NQ-HĐQT-2015 ngày 14 tháng 7 năm 2015.

6. **Cấu trúc Công ty**

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết (Xem thuyết minh số V.2c)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 296 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 4 năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không quý hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Số liệu dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, quý phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng quý và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính và ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính và ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí vật tư phụ tùng

Chi phí vật tư phụ tùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03-08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	3.382.835.914	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.614.678.334	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	-	5.135.486
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	316.500.000.000	333.870.000.000
Cộng	371.497.514.248	568.365.071.697

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)	94.971.030.000	47.580.300.400	(47.390.729.600)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)	31.490.628.000	8.126.999.500	(23.363.628.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)	14.234.321.100	993.751.000	(13.240.570.100)
Các cổ phiếu khác	1.028.583.580	1.267.042.800	(268.440)	4.178.583.580	2.820.482.700	(1.358.100.880)
Cộng	141.722.199.042	61.980.308.100	(79.980.618.602)	144.874.562.680	59.521.533.600	(85.353.029.080)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(85.353.029.080)	(83.967.077.430)
Hoàn nhập/dự phòng	5.372.410.478	(1.385.951.650)
Số cuối quý	(79.980.618.602)	(85.353.029.080)

Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt) đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

- 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

- 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	35.000.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	200.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	13,62	81.700.000.000	77.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	89,54	522.880.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	70,56	746.139.100.000	569.867.100.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	10,00	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải ^(v)	65,00	65,00	78.000.000.000	-
Cộng			2.859.625.249.428	2.310.538.249.428

- (i) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (ii) Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.21).
- (iv) Trong năm, công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương.
- (v) Trong năm, công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Logistics Nam Hải.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	62.538.064.097	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.144

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối quý	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link ⁽ⁱ⁾	41,67	41,67	834.150.000.000	834.150.000.000
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱⁱ⁾	40,00	36,13	89.352.903.136	83.745.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	50,00	50,00	6.324.000.000	1.000.000.000
Cộng			1.240.183.755.376	1.209.475.791.280

(i) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link, được trình bày chung vào khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” theo thông tư 200 thay vì trình bày ở khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” theo quyết định 15 như trước đây.

(ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	140.415.300.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	15.876.000.000	15.876.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	326.872.332.000	326.872.332.000

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(66.766.361.565)	(60.336.727.637)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(54.934.636.658)	(46.420.584.670)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(3.145.160.760)	(4.303.363.534)
Cộng	(238.418.590.983)	(224.633.107.841)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(224.633.107.841)	(174.331.808.186)
Trích lập dự phòng bổ sung	(20.477.320.831)	(50.301.299.655)
Hoàn nhập dự phòng	6.691.837.689	-
Số cuối quý	(238.418.590.983)	(224.633.107.841)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Bán tài sản cố định	-	490.909.901
Cho vay	-	26.000.000.000
Lãi cho vay	1.136.048.611	478.361.111
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Góp vốn	27.500.000.000	-
Cổ tức được chia	754.000.000	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Chi phí dịch vụ đại lý	538.526.124	828.997.343
Gemadept (S) Pte. Ltd.		
Chi hộ	21.546.221.442	18.023.294.139
Chi phí dịch vụ	52.754.190.562	19.485.525.000
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho vay	85.000.000.000	100.000.000.000
Chi hỗ trợ vốn	-	14.600.000.000
Cho thuê tài sản, thanh lý TSCĐ	52.642.727.252	26.086.363.636
Chi phí dịch vụ	13.621.543.374	44.032.721.787
Chi hộ	198.600.880	231.722.642
Doanh thu dịch vụ	10.461.327.493	2.813.827.487
Lãi cho vay	3.505.794.446	1.641.808.333
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Lợi nhuận được chia	59.000.000.000	158.000.000.000
Chi hộ	3.392.246.888	1.317.228.221
Cho vay	-	18.973.000.000
Lãi cho vay	1.817.451.205	4.562.331.389
Doanh thu vận tải	19.247.129.212	13.070.320.354
Chi phí dịch vụ	54.711.364.675	77.195.980.521
Thu hộ	-	1.534.952.568
Lãi góp vốn đầu tư	-	350.000.000
Góp vốn	120.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Thu hộ	-	133.045.140
Mượn tiền	-	10.500.000.000
Doanh thu dịch vụ	73.059.979.514	74.057.424.286
Chi phí dịch vụ	64.859.334.557	73.404.154.801

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Chi hộ	50.304.178	41.078.987
Lợi nhuận được chia	9.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	9.025.200.000	5.823.600.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	186.570.599.058	195.385.153.504
Lãi cho vay	-	588.272.222
Doanh thu dịch vụ	5.146.349.798	5.460.021.436
Chi phí dịch vụ	1.516.204.822	1.028.011.429
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	363.096.000	377.405.304
Mượn tiền	-	-
Góp vốn	4.200.000.000	3.600.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</i>		
Chi phí dịch vụ	1.380.000.000	750.000.000
Chi hộ	1.608.451.040	873.097.175
<i>Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	142.115.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	283.350.000	213.928.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn	-	120.000.000.000
Cho vay	-	48.000.000.000
Lãi cho vay	3.092.599.443	11.247.933.985
Chi phí dịch vụ	1.434.245.509	897.349.278
Doanh thu dịch vụ	10.636.363.631	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	95.676.382	397.490.495
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	176.272.000.000	318.613.500.000
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn	5.607.500.000	38.127.720.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	275.459.000	-
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Phải thu khác	244.104.095	158.231.094
Các khoản phải trả khác	-	5.727.042
Mượn tiền	-	8.000.000.000
Lợi nhuận được chia	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	-	159.289.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	1.251.180.000	893.700.000
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Góp vốn	6.324.000.000	1.000.000.000
Chi hộ	75.000.000	126.897.000
Doanh thu dịch vụ	307.209.750	-
Nhận ký quỹ	72.304.500	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Cho mượn tiền	-	10.000.000.000
Góp vốn	-	290.000.000
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải		
Góp vốn	78.000.000.000	-
Công ty TNHH ISS Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	141.199.962	-
Chi hộ	43.352.400	-
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	1.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	3.819.762.893	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Góp vốn	19.776.464.097	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	200.478.419.739	186.722.625.298
<i>Gemadept (S) Pte. Ltd.</i>	<i>129.714.795.929</i>	<i>133.350.263.078</i>
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	<i>39.006.272.049</i>	<i>22.154.158.334</i>
<i>Các bên liên quan khác</i>	<i>31.757.351.761</i>	<i>31.218.203.886</i>
Phải thu các khách hàng khác	101.246.982.476	125.652.879.292
Cộng	301.725.402.215	312.375.504.590

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH cảng Phước Long	9.561.825.978	6.021.434.386
Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại dịch vụ Đất Việt	19.928.394.000	-
Công ty TNHH sản xuất – thương mại Huy Hiền	13.728.484.429	-
Các nhà cung cấp khác	58.087.326.222	63.945.727.911
Cộng	101.306.030.629	69.967.162.297

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cho Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ vay	-	110.802.000.000
Cho Công ty TNHH cảng Phước Long vay	27.400.000.000	49.200.000.000
Cho các tổ chức khác vay	15.676.000.000	35.476.000.000
Cộng	43.076.000.000	195.478.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	-	36.033.000.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	-	20.000.000.000
Cộng	-	56.033.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	485.638.358.548	583.981.325.579
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Các khoản chi hộ dự án cao su	108.211.014.536	213.322.634.679
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ	181.236.739.003	170.655.096.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải – Cổ tức được chia	60.000.000.000	113.385.153.504
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản chi hộ	99.307.530.261	71.868.128.456
Các bên liên quan khác	36.883.074.749	14.750.312.940

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	84.866.875.201	93.910.871.463
Tạm ứng	40.616.764.247	41.553.824.845
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	26.329.447.423	35.699.536.939
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.920.663.530	16.657.509.679
Cộng	570.505.233.749	677.892.197.042

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	44.840.000.000	42.708.000.000
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Ký quỹ thuê tàu	44.840.000.000	42.708.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	44.435.632.500	44.358.132.500
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ	7.435.632.500	7.358.132.500
Cộng	89.275.632.500	87.066.132.500

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(4.040.680.540)	(4.040.680.540)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.496.169.436)	(2.792.724.771)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(11.000.000.000)
Cộng	(6.536.849.976)	(17.833.405.311)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(17.833.405.311)	-	(17.833.405.311)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	11.296.555.335	-	11.296.555.335
Số cuối quý	(6.536.849.976)	-	(6.536.849.976)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	14.225.685.122	-	17.713.743.402	-
Hàng hóa	4.081.972.000	-	6.190.798.997	-
Cộng	18.307.657.122	-	23.904.542.399	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	494.585.139	1.108.499.660
Chi phí bảo hiểm	996.411.349	725.721.805
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	449.909.343	251.087.773
Cộng	1.940.905.831	2.085.309.238

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	8.567.561.720	4.701.317.745
Chi phí cấp vật tư	3.120.336.560	-
Chi phí sửa chữa tàu	9.303.951.749	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.474.478.667	293.155.419
Cộng	22.466.328.696	4.994.473.164

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Tăng trong năm	-	4.264.819.940	92.844.299.243	30.640.000	97.139.759.183
Giảm trong năm	-	(5.158.403.531)	(20.220.571.191)	-	(25.378.974.722)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	27.822.600	6.705.140	34.527.740
Số cuối quý	7.281.263.332	105.763.617.002	887.811.547.729	7.242.771.721	1.008.099.199.784
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Tăng trong năm	394.666.903	788.171.303	62.023.062.948	19.272.541	63.225.173.695
Giảm trong năm	-	(5.066.750.175)	(20.220.571.191)	-	(25.287.321.366)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	20.667.246	6.215.867	26.883.113
Số cuối quý	6.229.769.687	102.287.748.269	526.235.775.212	7.216.260.655	641.969.553.823
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối quý	1.051.493.645	3.475.868.733	361.575.772.517	26.511.066	366.129.645.961

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 154.794.698.299 VND và 49.998.909.338 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (xem thuyết minh số V.21a và V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Thuê tài chính trong năm	16.808.059.888
Số cuối quý	31.400.607.484
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong năm	4.431.219.782
Số cuối quý	4.631.036.870
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối quý	26.769.570.614

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Số cuối quý	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong năm	-	1.168.229.101	1.168.229.101
Số cuối quý	-	8.171.692.788	8.171.692.788
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối quý	1.250.403.410	2.036.389.955	3.286.793.365

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	630.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Phần mềm Oracle	6.493.714.058	-	-	6.493.714.058
Chi phí mua cầu, xe nâng	51.975.132.860	1.069.546.727	21.364.889.987	31.679.789.600
Chi phí hoán cải tàu	29.250.000	-	-	29.250.000
Chi phí thiết kế và đóng tàu 160 teu	-	2.436.318.182	-	2.436.318.182
Cộng	59.128.096.918	3.505.864.909	21.364.889.987	41.269.071.840

Chi phí mua cầu với giá trị 31.679.789.600 VND đã được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số đầu năm	16.069.763.352	749.631.551
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(757.391.213)	15.320.131.801
Số cuối quý	15.312.372.139	16.069.763.352

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	16.431.669.376	15.919.656.544
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	16.058.102.740	14.290.346.068
Các bên liên quan khác	373.566.636	1.629.310.476
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	66.563.210.247	53.376.212.763
Intermodal Investment Fund IV LLC	36.626.200.784	7.345.828.690
Các nhà cung cấp khác	29.937.009.463	46.030.384.073
Cộng	82.994.879.623	69.295.869.307

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
NYK Bulk & Projects Carriers Ltd.	-	919.317.138
Kalyan Shipping Ltd.	-	847.154.889
Công ty TNHH Express Trains Ath	1.750.000.000	-
Sea Consortium Pte Ltd	3.981.636.890	-
Các khách hàng khác	4.418.373.275	4.743.101.196
Cộng	10.150.010.165	6.509.573.223

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****17a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	(3.906.281.223)	4.041.364.299	(6.532.371.511)	-	(6.397.288.435)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.927.515.895	(6.927.515.895)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.181.192.062	(1.181.192.062)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.579.760.548	-	3.945.367.330	(21.772.677.129)	-	(1.247.549.251)
Thuế thu nhập cá nhân	3.782.182.672	-	10.722.426.326	(14.435.317.957)	69.291.041	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	126.056.174	(126.056.174)	-	-
Thuế môn bài	-	(900.000)	6.000.000	(6.000.000)	-	(900.000)
Các loại thuế khác	2.084.751.568	(309.964.111)	17.881.186.178	(19.483.310.551)	486.127.194	(313.464.111)
Cộng	22.446.694.788	(4.217.145.334)	44.831.108.264	(70.464.441.279)	555.418.235	(7.959.201.797)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII quý họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.608.189	632.163.286	639.869.157	132.902.318
Cộng	140.608.189	632.163.286	639.869.157	132.902.318

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Phải trả người lao động**

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.760.666.596	2.401.727.190
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay phải trả	3.760.666.596	2.401.727.190
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	165.885.571.997	94.492.634.382
Chi phí lãi vay phải trả	145.070.255.967	79.132.270.736
Chi phí sửa chữa tàu	7.250.729.346	7.250.729.346
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.564.586.684	8.109.634.300
Cộng	169.646.238.593	96.894.361.572

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	26.632.484.708	45.728.077.536
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	4.325.911.893	21.085.413.395
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	6.537.335.653	8.279.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Các khoản thu hộ	427.091.350	-
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. – Các khoản thu hộ	969.622.819	942.227.649
Công ty TNHH cảng Phước Long – Các khoản thu hộ và phải trả khác	-	763.558.466
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – Các khoản thu hộ	16.052.625	301.407.658
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	24.115.717.829	19.704.787.238
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	19.865.942.767	15.528.556.134
Cổ tức phải trả	194.185.350	196.978.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.055.589.712	3.979.252.754
Cộng	50.748.202.537	65.432.864.774

20b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	242.195.602.475	229.655.634.780
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	242.195.602.475	229.655.634.780
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	32.652.155.252	48.032.907.834
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.966.355.252	42.032.907.834
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	27.888.511.523
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	22.966.355.252	14.144.396.311
Vay dài hạn đến hạn trả	9.685.800.000	6.000.000.000
Cộng	274.847.757.727	277.688.542.614

(i) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.

Công ty hoàn toàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.032.907.834	75.802.370.798	-	-	94.868.923.380	-	22.966.355.252
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	229.655.634.780	-	-	12.539.967.695	-	-	242.195.602.475
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	9.685.800.000	-	6.000.000.000	-	9.685.800.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	277.688.542.614	75.802.370.798	9.685.800.000	12.539.967.695	100.868.923.380	-	274.847.757.727

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng	36.321.750.000	30.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế	36.321.750.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	900.800.000.000	854.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P.⁽ⁱ⁾</i>	<i>900.800.000.000</i>	<i>854.160.000.000</i>
Nợ thuê tài chính	36.626.200.784	19.021.681.890
<i>Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC</i>	<i>36.626.200.784</i>	<i>19.021.681.890</i>
Cộng	973.747.950.784	903.181.681.890

(i) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay	:	40.000.000,00 USD
Thời gian ân hạn	:	05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc	:	Tại thời điểm bất quý sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Lãi suất	:	Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
Mục đích vay	:	- Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ. - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng. - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
Tài sản đảm bảo	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm: - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông; - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	30.000.000.000	48.429.000.000	-	32.421.450.000	9.685.800.000	36.321.750.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	854.160.000.000	-	46.640.000.000	-	-	900.800.000.000
Nợ thuê tài chính	19.021.681.890	22.313.728.246	328.045.411	5.037.254.763	-	36.626.200.784
Cộng	903.181.681.890	70.742.728.246	46.968.045.411	37.458.704.763	9.685.800.000	973.747.950.784

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.720.068.287	(546.902.189)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.399.394.088	16.316.149.141
Chi quỹ	(7.751.793.957)	(8.049.178.665)
Số cuối quý	12.367.668.418	7.720.068.287

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.251.562.999	88.478.588.088
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.531.265.375)	(76.227.025.089)
Số cuối quý	10.720.297.624	12.251.562.999

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

25. Vốn chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.196.219.940.000	1.161.379.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(411.073.375)	-
Quỹ đầu tư phát triển	52.564.113.317	44.814.492.012
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	49.450.048.410	41.700.427.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	719.950.286.522	831.474.346.858
Cộng	4.558.636.172.176	4.620.232.063.277

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.621.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	935.250.985.372	990.768.500.544
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.523.881.079	1.264.304.352
Cộng	936.774.866.451	992.032.804.896

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý...	829.740.671.480	971.864.359.145
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	-	-
Cộng	829.740.671.480	971.864.359.145

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	11.230.565.019	9.618.061.133
Lãi tiền cho vay	9.613.004.816	19.636.282.799
Cổ tức, lợi nhuận được chia	292.008.490.215	388.652.441.687
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	27.327.676.124
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	3.935.490.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.444.044.598	8.727.630.689
Cộng	320.296.104.648	457.897.582.432

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	71.263.340.085	65.678.078.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.836.403.810	34.312.607.121
Lỗ chuyển nhượng công ty liên kết	-	4.248.185.743
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	13.087.620.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.413.072.664	51.687.251.305
Chi phí tài chính khác	30.056.134.264	277.436.498
Cộng	180.568.950.823	169.291.178.758

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	4.055.906.512	3.980.648.406
Cộng	4.055.906.512	3.980.648.406

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	49.651.685.103	48.424.694.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.432.155.592	4.571.075.789
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	(11.296.555.335)	6.059.768.311
Chi phí thuê văn phòng	25.545.514.099	21.390.752.162
Các chi phí khác	28.436.220.908	31.147.865.318
Cộng	96.769.020.367	111.594.155.590

7. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	12.733.181.818	6.407.139.332
Các khoản thu nhập khác	1.061.755.015	1.767.952.216
Cộng	13.794.936.833	8.175.091.548

8. Chi phí khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng tổn thất	-	55.361.948.296
Các khoản chi phí khác	309.137.934	2.130.565.353
Cộng	309.137.934	57.492.513.649

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.691.091.972	297.881.126.021
Chi phí nhân công	104.285.285.053	100.999.342.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.824.622.578	64.773.479.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.872.994.174	593.897.297.712
Chi phí khác	24.891.604.582	29.887.917.795
Cộng	930.565.598.359	1.087.439.163.141

VI. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.925.475.566	28.681.782.929	18.243.692.637

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong quý 4 năm 2015 đạt 46,9 tỷ đồng, tăng hơn 18,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 49 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do Công ty đã tiết kiệm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá nhiên liệu giảm.
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm hơn 109 tỷ đồng do ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái và giảm nhận cổ tức từ các công ty thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

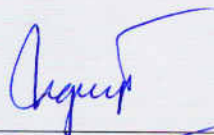
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn 4 tỷ đồng do Công ty tiết kiệm được chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Lợi nhuận khác tăng hơn 63,8 tỷ đồng chủ yếu do Công ty thanh lý một số thiết bị và không phát sinh thêm các khoản dự phòng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm hơn 10,4 tỷ đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc